

Bản tin Phân tích kỹ thuật

07/10/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111GA000 đóng cửa tại hỗ trợ 1.894 điểm. Tuy nhiên, đà tăng chỉ thực sự chiếm ưu thế trở lại nếu hợp đồng vượt vùng kháng cự 1.898 điểm. (M5)
- Khuyến nghị mở vị thế mua khi thỏa điều kiện trên và dừng lỗ nếu xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 1.895 điểm.

Chiến lược:

- Mua khi vượt (BS): 1.898 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.908 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.895 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tiêu cực	Tiêu cực
VN30	Tiêu cực	Tiêu cực
VNMid	Tiêu cực	Tiêu cực
VNSmall	Tiêu cực	Tiêu cực
HNX	Tiêu cực	Tiêu cực



Nguồn: Vietcap

- VN-Index thu hẹp đà giảm về cuối phiên với độ rộng thị trường tương đối cân bằng, ghi nhận 150 mã tăng so với 151 mã giảm. Nhìn chung, áp lực bán vẫn ở mức thấp, lực cầu tập trung cục bộ tại nhóm Ngân hàng, Bất động sản và Vật liệu nhưng lan tỏa tương đối tốt tại Công nghiệp, Bán lẻ và Tiêu dùng.
- Về mặt kỹ thuật, vùng 1.730 điểm tiếp tục giữ vai trò hỗ trợ quan trọng trong ngắn hạn. Mục tiêu tiếp theo của VN-Index là khu vực 1.775 điểm, trong khi vùng 1.740–1.750 điểm sẽ đóng vai trò hỗ trợ gần cho các nhịp rung lắc trong phiên 08/10.
- Đánh giá khả năng tạo đáy, diễn biến giá và thanh khoản trong phiên 07/10 tiếp tục củng cố kịch bản VN-Index hình thành đáy quanh vùng 1.730 điểm. Do đó, xác suất chỉ số hồi phục về khu vực 1.775 điểm vẫn cao hơn kịch bản vi phạm vùng 1.730 điểm. Điều kiện hiện tại tiếp tục phù hợp để giải ngân từng phần, ưu tiên các cổ phiếu vốn hóa lớn.

Cổ phiếu khuyến nghị theo PTKT



VPB

- VPB có tín hiệu tăng. Trong các phiên vừa qua, hoạt động điều chỉnh diễn ra trên thanh khoản thấp, cho thấy áp lực bán vẫn ở mức hạn chế.
- Cổ phiếu đủ điều kiện để tiếp tục tăng giá với mục tiêu gần là vùng 26.000-26.400. Khuyến nghị mở vị thế mua và dừng lỗ nếu xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 22.500.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
23.000-23.400	26.400	22.500



HDB

- HDB tuy diễn biến giằng co nhưng tín hiệu tăng vẫn giữ vai trò chủ đạo. Trong hai tuần vừa qua, áp lực bán duy trì ở mức thấp và cổ phiếu có diễn biến tích cực hơn phần lớn các mã trên sàn HOSE.
- Dự báo đà tăng sẽ mạnh hơn khi thị trường hồi phục. Cổ phiếu đủ điều kiện mở vị thế mua và dừng lỗ nếu xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 27.300.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
28.000-28.100	30.100	27.300

Cổ phiếu khuyến nghị theo PTKT



MSB

- MSB duy trì đà tăng nổi bật, đi kèm lực cầu ổn định quanh vùng giá cao. Chưa ghi nhận áp lực bán bất thường và mục tiêu kỹ thuật tiếp theo là vùng 15.900.
- Điều kiện hiện tại phù hợp để mở vị thế mua trên MSB và dừng lỗ nếu xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 14.000.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
14.400-14.650	15.900	14.000



HPG

- Tín hiệu trên HPG đang củng cố khả năng hình thành đáy ngắn hạn quanh vùng 19.600, với mục tiêu hồi phục gần là 21.500.
- Điều kiện hiện tại phù hợp để mở vị thế trên HPG. Tuy nhiên, xu hướng chủ đạo vẫn là xu hướng giảm, do đó tỷ trọng nên được giới hạn ở mức thấp và mang tính thăm dò.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
20.200-20.350	21.500	19.600

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
SSI	24/08/2026		Đang mở	19,650	21,100	-6.9%	19,300	23,000		
DGW	15/09/2026		Đang mở	47,200	45,400	4.0%	42,800	56,000	44,500	
PVS	18/09/2026		Đang mở	33,600	33,000	1.8%	30,800	39,500	33,000	



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	230,000	-0.86%	0.92%	1,785,303	-4.393	2,752	10.5	83.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VHM	68,000	-1.45%	-0.73%	558,608	-2.311	9,730	2.1	7.0	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
LPB	42,000	-4.33%	-4.55%	125,466	-1.550	3,780	2.9	11.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GVR	34,000	3.66%	2.10%	136,000	1.420	1,751	2.3	19.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSN	75,200	4.44%	8.99%	109,820	1.393	4,629	2.7	16.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BSR	31,750	2.09%	1.11%	158,982	0.948	3,974	2.1	8.0	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
MWG	76,900	2.54%	7.64%	113,481	0.822	6,661	3.2	11.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
MCH	142,700	1.21%	2.66%	186,567	0.642	5,422	9.9	26.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GAS	78,400	-1.13%	-4.39%	189,175	-0.613	5,269	2.8	14.9	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCX	27,950	-2.27%	-4.12%	93,055	-0.604	1,858	2.0	15.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	23,400	0.86%	0.00%	234,000	0.576	2,982	1.3	7.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	66,800	-1.33%	-9.73%	125,932	-0.478	1,634	2.0	40.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIB	13,900	2.96%	4.12%	51,922	0.439	1,990	1.1	7.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
GMD	54,200	4.23%	4.09%	35,194	0.424	3,993	2.6	13.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SSB	17,200	2.38%	-5.75%	59,663	0.405	869	1.4	19.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

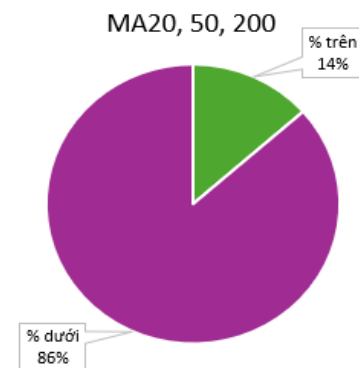
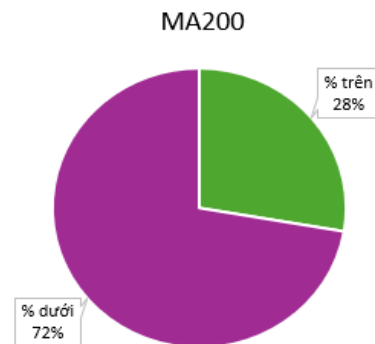
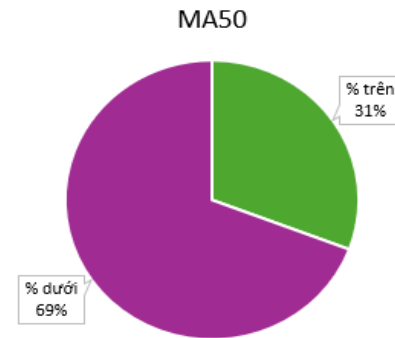
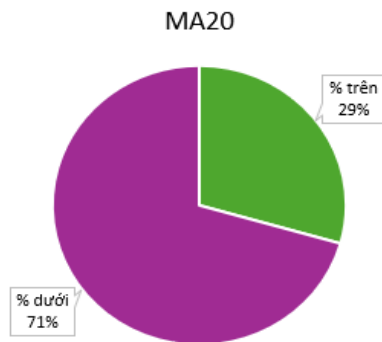
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSV	121,000	10.00%	12.56%	36,300	2.057	11,734	5.5	10.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
THD	88,200	-10.00%	-27.11%	33,957	-1.924	395	6.7	223.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	15,900	-3.64%	11.19%	46,502	-0.958	134	1.9	118.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDC	35,600	5.01%	5.95%	14,861	0.422	5,201	2.2	6.8	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HUT	12,400	4.20%	-1.59%	13,247	0.315	525	1.2	23.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PGS	76,600	-9.88%	-7.82%	3,830	-0.214	2,718	3.8	28.2	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Tích cực
VIF	15,200	7.04%	8.57%	5,320	0.212	1,407	1.1	10.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	15,100	-1.95%	-3.21%	15,114	-0.167	1,828	1.3	8.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	12,600	-2.33%	-3.08%	11,333	-0.149	1,119	0.9	11.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NTP	52,700	2.33%	0.38%	10,816	0.143	5,810	2.5	9.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACV	40,900	4.07%	4.34%	144,339	0.021	3,104	2.0	13.0	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
MSR	65,000	5.69%	17.54%	71,188	0.015	2,208	4.9	29.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MVN	72,700	4.15%	17.07%	86,613	0.013	2,341	5.6	30.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGI	77,800	-0.77%	-3.11%	236,434	-0.007	4,047	6.2	19.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PAP	25,600	-14.38%	-14.67%	9,512	-0.005	-1,817	2.8	-14.7	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SEA	59,000	9.26%	8.86%	7,339	0.002	1,535	2.9	38.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PHP	51,000	3.03%	9.68%	16,624	0.002	3,740	2.6	13.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VUA	14,500	-14.71%	-14.71%	2,906	-0.002	616	1.5	23.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SGP	21,800	7.39%	11.22%	4,645	0.001	2,030	1.5	10.6	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
AIG	47,900	3.68%	-0.62%	9,052	0.001	5,906	1.4	7.8	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MSR	65,000	5.7%	242.5	113.6	21,053	61,500	4.9	29.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSB	14,650	1.7%	273.9	115.3	9,000	14,400	1.2	9.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHP	51,000	3.0%	20.7	10.7	29,808	49,500	2.6	13.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVP	24,600	2.9%	58.2	24.3	13,042	23,900	1.3	7.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DXP	15,800	3.9%	16.4	3.9	10,000	15,700	0.9	4.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDA	9,800	5.4%	5.1	1.7	5,091	9,300	0.9	11.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
SHB	10,800	-1.4%	314.2	483.2	10,950	17,938	0.7	4.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LPS	17,000	-3.4%	11.2	28.5	17,600	31,800	1.3	20.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	15,100	-1.9%	30.4	49.6	15,200	27,024	1.3	8.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	9,780	-1.3%	44.9	112.6	9,910	19,825	0.9	62.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	12,600	-2.3%	69.0	123.9	12,700	27,400	0.9	11.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	18,900	-6.2%	992.3	275.1	20,150	84,671	0.7	4.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FTS	18,050	-3.2%	8.8	13.9	18,500	33,089	1.6	16.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	10,200	-2.9%	40.9	71.9	10,300	30,382	1.0	31.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHS	8,900	-0.6%	8.9	11.0	8,950	19,700	0.4	174.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FCN	10,150	-0.5%	6.1	6.8	10,200	17,071	0.6	20.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACV	40,900	4.1%	39.7	14.5	38,400	62,100	2.0	13.0	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			07/10/2026	06/10/2026	05/10/2026	02/10/2026	01/10/2026	30/09/2026	29/09/2026	28/09/2026
VNINDEX	MA200	Trên	23%	22%	22%	22%	23%	24%	24%	24%
		Dưới	77%	78%	78%	78%	77%	76%	76%	76%
	MA50	Trên	31%	31%	31%	27%	31%	33%	34%	33%
		Dưới	69%	69%	69%	73%	69%	67%	66%	67%
	MA20	Trên	30%	28%	29%	27%	30%	30%	28%	29%
		Dưới	70%	72%	71%	73%	70%	70%	72%	71%
VN30	MA200	Trên	30%	27%	27%	23%	27%	30%	33%	30%
		Dưới	70%	73%	73%	77%	73%	70%	67%	70%
	MA50	Trên	40%	43%	43%	37%	37%	47%	47%	47%
		Dưới	60%	57%	57%	63%	63%	53%	53%	53%
	MA20	Trên	27%	23%	23%	23%	27%	27%	23%	30%
		Dưới	73%	77%	77%	77%	73%	73%	77%	70%
HNX	MA200	Trên	27%	26%	26%	26%	25%	28%	27%	26%
		Dưới	73%	74%	74%	74%	75%	72%	73%	74%
	MA50	Trên	35%	34%	33%	32%	33%	31%	30%	31%
		Dưới	65%	66%	67%	68%	67%	69%	70%	69%
	MA20	Trên	27%	26%	26%	26%	25%	28%	27%	26%
		Dưới	73%	74%	74%	74%	75%	72%	73%	74%
UPCOM	MA200	Trên	28%	28%	29%	29%	28%	29%	27%	28%
		Dưới	72%	72%	71%	71%	72%	71%	73%	72%
	MA50	Trên	30%	31%	32%	31%	30%	31%	29%	29%
		Dưới	70%	69%	68%	69%	70%	69%	71%	71%
	MA20	Trên	30%	30%	31%	31%	30%	30%	29%	30%
		Dưới	70%	70%	69%	69%	70%	70%	71%	70%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 15		Tháng 10										Tháng 9									
		07 ↓	06	05	02	01	30	29	28	25	24	23	22	21	18	17	16	15	14	11	10
1	Bán lẻ	88	84	83	78	77	77	75	72	75	72	71	62	57	61	57	55	55	55	60	66
2	Hàng & Dịch vụ Côn...	69	65	65	63	65	66	66	64	63	60	60	57	50	54	53	52	50	48	50	52
3	Dầu khí	59	61	60	57	62	59	71	61	53	56	73	73	78	76	79	82	80	68	57	58
4	Hóa chất	56	55	56	54	59	59	61	59	61	60	59	56	56	57	59	59	57	52	55	60
5	Tài nguyên Cơ bản	54	53	53	47	46	46	49	45	46	46	49	49	48	49	49	47	49	48	50	51
6	Hàng cá nhân & Gia ...	51	47	40	34	32	32	32	32	34	36	37	34	34	38	35	33	36	34	37	40
7	Điện, nước & xăng d...	49	47	51	52	57	58	57	51	49	52	54	44	43	46	40	36	35	34	33	34
8	Thực phẩm và đồ uố...	49	47	47	43	42	39	40	40	41	43	43	43	43	45	44	44	44	44	45	48
9	Ngân hàng	38	40	40	40	43	47	48	48	53	52	55	50	51	50	54	52	49	44	44	50
10	Xây dựng và Vật liệu	36	33	33	31	33	37	38	34	36	36	35	32	27	31	30	30	30	27	32	36
11	Du lịch và Giải trí	34	37	31	38	39	41	43	43	44	44	46	47	46	45	44	38	35	33	35	35
12	Bất động sản	25	25	24	23	23	25	25	27	30	29	31	34	32	37	36	34	35	36	37	44
13	Ô tô và phụ tùng	25	23	24	24	24	26	28	27	30	32	36	31	37	44	42	42	46	45	47	53
14	Dịch vụ tài chính	16	18	22	22	21	22	24	23	29	29	30	29	28	36	32	27	30	28	30	41
15	Công nghệ Thông tin	14	15	15	18	21	25	28	29	-	41	40	39	-	-	-	42	39	38	37	41

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VPB	23,400	0.9%	0.0%	234,000	1.3	7.9	2,982	360.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GVR	34,000	3.7%	2.1%	136,000	2.3	19.4	1,751	116.7	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSN	75,200	4.4%	9.0%	109,820	2.7	16.3	4,629	1,152.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MVN	72,700	4.2%	17.1%	86,613	5.6	30.8	2,341	5.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	65,000	5.7%	17.5%	71,188	4.9	29.2	2,208	242.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BVH	75,500	0.7%	1.3%	56,045	2.2	16.9	4,472	145.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSB	14,650	1.7%	3.2%	54,850	1.2	9.3	1,573	273.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVB	15,900	-3.6%	11.2%	46,502	1.9	118.3	134	42.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSV	121,000	10.0%	12.6%	36,300	5.5	10.3	11,734	22.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GMD	54,200	4.2%	4.1%	35,194	2.6	13.6	3,993	191.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAB	12,700	-1.6%	3.3%	27,417	1.0	5.7	2,249	28.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FRT	150,500	3.8%	2.4%	26,912	5.6	23.7	6,359	188.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGC	45,550	2.8%	1.2%	20,422	2.4	14.4	3,174	46.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
QNS	52,900	-0.2%	3.3%	19,299	1.8	10.0	5,267	23.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHP	51,000	3.0%	9.7%	16,624	2.6	13.6	3,740	20.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVT	24,850	1.4%	4.4%	12,845	1.4	9.0	2,761	264.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
DGW	47,200	-1.2%	6.8%	10,543	2.8	12.5	3,781	42.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HAH	52,500	4.0%	0.6%	10,072	2.0	7.2	7,326	92.2	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VGT	12,000	3.4%	7.1%	5,901	0.8	5.6	2,121	19.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TLG	54,800	1.5%	3.6%	5,290	2.1	11.5	4,776	16.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STB	66,800	-1.3%	-9.7%	125,932	2.0	40.9	1,634	290.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	59,700	-1.2%	-5.2%	112,578	2.8	11.2	5,325	327.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCX	27,950	-2.3%	-4.1%	93,055	2.0	15.0	1,858	58.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHB	10,800	-1.4%	-5.7%	57,712	0.7	4.3	2,532	314.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	10,300	-1.0%	1.0%	32,988	0.6	5.6	1,835	287.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	15,100	-1.9%	-3.2%	15,114	1.3	8.3	1,828	30.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	9,780	-1.3%	-3.6%	12,402	0.9	62.4	157	44.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	12,600	-2.3%	-3.1%	11,333	0.9	11.3	1,119	69.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PDR	11,150	0.0%	-0.9%	11,126	0.9	18.0	619	22.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
F88	46,700	0.9%	-9.0%	10,855	2.9	10.8	4,365	5.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	18,900	-6.2%	-28.9%	9,672	0.7	4.0	4,780	992.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FTS	18,050	-3.2%	-5.7%	6,876	1.6	16.3	1,105	8.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	10,200	-2.9%	-5.6%	6,077	1.0	31.8	321	40.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	14,650	0.0%	-4.6%	5,962	0.9	6.4	2,298	8.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NKG	9,310	-1.3%	-1.9%	4,584	0.6	27.5	338	14.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHS	8,900	-0.6%	-4.3%	3,845	0.4	174.2	51	8.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	10,100	0.0%	-5.2%	2,320	0.8	3.5	2,909	11.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	15,000	1.4%	-3.2%	1,765	0.7	8.0	1,872	8.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FCN	10,150	-0.5%	-4.7%	1,598	0.6	20.7	490	6.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	57,200	-0.2%	-1.4%	477,945	1.9	11.5	4,984	108.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PNJ	18,900	-6.20%	-28.95%	42,900	127.0%	4,780	0.7	4.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	13,550	0.37%	-2.90%	28,800	112.5%	1,424	0.9	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STK	7,550	1.34%	-4.19%	16,000	111.9%	(354)	0.7	-21.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	10,100	0.00%	-5.16%	21,400	111.9%	2,909	0.8	3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
F88	46,700	0.86%	-8.97%	98,000	109.9%	4,365	2.9	10.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	14,650	0.00%	-4.56%	28,700	95.9%	2,298	0.9	6.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	26,400	0.38%	-3.65%	48,900	85.2%	3,530	1.1	7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MWG	76,900	2.54%	7.64%	140,000	82.1%	6,661	3.2	11.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
GEX	22,650	-1.31%	-6.02%	40,500	78.8%	1,049	1.5	21.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PTB	29,350	-0.17%	1.38%	52,000	77.2%	5,852	0.8	5.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GMD	54,200	4.23%	4.09%	95,800	76.8%	3,993	2.6	13.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PLC	18,300	0.55%	-1.61%	31,900	74.3%	1,850	1.0	9.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DMX	76,500	-0.65%	-0.78%	130,600	70.7%	5,108	3.1	15.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NLG	21,700	1.17%	-0.23%	36,800	69.6%	1,407	0.8	15.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	13,850	2.21%	-1.42%	23,100	66.8%	1,976	0.7	7.0	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
CTG	29,750	-0.17%	-0.83%	48,800	64.0%	5,172	1.2	5.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	33,150	-3.49%	-7.92%	52,100	57.2%	5,603	0.8	5.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	19,100	-0.52%	-2.80%	29,600	55.0%	3,235	1.2	5.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VRE	23,250	-2.31%	-4.52%	35,600	53.1%	3,191	1.1	7.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	59,700	-1.16%	-5.24%	90,300	51.3%	5,325	2.8	11.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn